

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 10-12-2018.
V/v: “*Kiến ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

- 1, Ông Ksor Y Nai – Cán bộ hưu trí.
- 2, Ông Vũ Xuân Thụ - Cán bộ hưu trí.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10/12/2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2018 về việc “*Kiến ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018 và quyết định hoãn phiên tòa 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Th; sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố a, thị trấn E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Ch, xã Bàu Ch, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Phan Đình S; sinh năm 1976. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Nơi cư trú: Tổ dân phố a, thị trấn E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Phan Đình S tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 10/2010, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S sống thiếu trách nhiệm với vợ con và thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập chị Th, hiện chị Th không

còn tình cảm gì với anh S, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Th, anh S có 02 người con chung là Phan Đình Quảng N - sinh ngày 08/11/2011 và Phan Đình Hà T - sinh ngày 17/02/2013. Nếu được ly hôn chị Th có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Được nuôi con chung, nhưng chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Chị Đặng Thị Th và anh Phan Đình S tự nguyện về sống chung với nhau từ tháng 10/2010, đến ngày 28/10/2016 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E theo giấy đăng ký kết hôn số 163. Trong quá trình sống chung hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh S cư trú. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Phan Đình S kết hôn và về chung sống với nhau từ tháng 10/2010, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S sống thiếu trách nhiệm với vợ con và thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập chị Th, hiện chị Th không còn tình cảm gì với anh S, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh S.

Căn cứ vào lời khai của đương sự và qua xác minh tại chính quyền địa phương thì chị Th và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã can thiệp và hòa giải nhưng không thành, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh S ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Th, anh S có 02 người con chung là Phan Đình Quảng N - sinh ngày 08/11/2011 và Phan Đình Hà T - sinh ngày 17/02/2013. Nay chị Th có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, xét nguyện vọng nuôi con chung của chị Th và để đảm bảo cho các con chung được phát triển toàn diện về mọi mặt, cần

giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Th được ly hôn với anh Phan Đình S.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao 02 con chung Phan Đình Quảng N - sinh ngày 08/11/2011 và Phan Đình Hà T - sinh ngày 17/02/2013 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Hiện tại chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án;

Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2017/0004189 ngày 02/7/2018.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND TT E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ